

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/HC-ST

Ngày: 13-6-2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Kiều Thị Kim Dung

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân tỉnh Long An họp phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2025/TLST-HC ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐXXST-HC ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa:

1. Người khởi kiện:

Ông Triệu Văn T, sinh năm:1973. Địa chỉ: B, M, phường A, Quận H, TP Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện B

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành Ú – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn L – Phó Chủ tịch (có đề nghị giải quyết vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Thanh T1 – Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện B. (Có mặt)

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L (Có đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Thanh S, Phó phòng quản lý đất đai – Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ông Phạm Vũ T2, chuyên viên Văn Phòng UBND tỉnh (Ông T2 có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/2/2025, và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày như sau: Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định:

- Quyết định số 10703/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Triệu Văn T để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT. 830E (Đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT. 830).

- Hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 296/QĐ-UBND, Ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện B.

- Hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 10996/QĐ-UBND, Ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh L.

- Hỗ trợ mua lại 01 nền đất tái định cư theo giá ưu đãi (đơn giá lô nền tái định cư loại) và công nhận con đường hiện hữu với trên 30 năm sử dụng và áp giá quyền sử dụng đất theo khung áp dụng giá trị quyền sử dụng đất là 1.089.332.092 đồng (6.282.192 đồng/m² x 173,4 m²). Hoặc hoán đổi đất theo nguyện vọng chính đáng bị thu hồi hết đất ở ONT và đúng theo quy định.

Lý do khởi kiện: Ông Triệu Văn T là chủ sử dụng thửa đất 342, tờ bản đồ số 15, diện tích 173,4m², loại đất ở nông thôn tại ấp P, xã T, huyện B. Phần đất của ông T khi bị thu hồi đang sử dụng kinh doanh nhà trọ, có đăng ký kinh doanh. Nhà trọ được xây dựng trên 2 thửa đất: thửa đất số 363 của ông Triệu Văn Đ và thửa đất số 342 của ông Triệu Văn T. Thửa đất 363 tiếp giáp đường bê tông trên 3m. Thửa đất 342 của ông T nằm trong phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường giao thông trên 3m và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường. Tuy nhiên, khi bồi thường UBND huyện B chỉ bồi thường theo mục 5, phần 1, điểm c, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 7098-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh L là không đúng. Ông T yêu cầu xác định ông là chủ sử dụng đất thuộc trường hợp nằm trong phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường giao thông trên 3m và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường, phải được bồi thường theo Mục C 2.2 Quyết định 7080/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và các chính sách hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT. 830E (Đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT. 830) của UBND tỉnh L. Ông T thuộc trường hợp bị thu hồi toàn bộ diện tích đất nhưng không được mua nền tái định cư là không đúng quy định tại mục 5.1.3 của Quyết định 7080/QĐ-UBND ngày 04/8/2022.

Người bị kiện vắng mặt, có văn bản trình bày và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tại phiên tòa:

Ông T yêu cầu xác định ông là chủ sử dụng đất thuộc trường hợp nằm trong phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường giao thông trên 3m và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường và xác định, ông T thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết nhà ở, đất ở mà không còn nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn xã, thị trấn nơi có đất bị thu hồi. Về nội dung này, những người bị kiện có ý kiến trình bày thống nhất:

“Thực tế tại khu vực này có hình thành một lối đi qua các thửa đất: Có điểm đầu tiếp giáp với đường P do hộ ông Võ Văn H sử dụng thửa đất số 361 (loại đất ở tại nông thôn) tự trồng cây, bà Trần Thị Mỹ L1 sử dụng một phần thửa 362 (loại đất chuyên trồng lúa nước) và ông Cù Thanh N sử dụng một phần thửa 366 (loại đất chuyên trồng lúa nước) tự trồng cây để phục vụ kinh doanh Nhà nghỉ, quán cà

phê. Lối đi này tiếp giáp với thửa đất số 363 của ông Triệu Văn Đ (anh ruột của ông T) và không có tiếp giáp với thửa đất số 342 của ông T. “Nhà trọ thị trấn B” của ông T được xây dựng trên 02 thửa đất số 342 và thửa đất số 363. Theo Biên bản làm việc ngày 31/5/2024, UBND xã T khẳng định lối đi này được hình thành tự phát, không phải Nhà nước đầu tư, không được cập nhật lối đi công cộng trên bản đồ địa chính.

Như vậy, việc ông Triệu Văn T cho rằng phần đất của mình thuộc phạm vi 50 mét đầu không tiếp giáp với đường và không cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường có thảm nhựa, tráng bê tông được hình thành và sử dụng trên 30 năm là không có cơ sở.

Do đó, UBND huyện B ban hành Quyết định số 10703/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Triệu Văn T với giá trị quyền sử dụng đất là 393.402.984 đồng ($520.000 \text{ đồng/m}^2 \times 4,363 \times 173,4 \text{ m}^2$) là đúng theo quy định tại Mục 5 Phần 1 Điểm C Khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 7098/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và các chính sách hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án giải phóng mặt bằng ĐT. 830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT. 830) qua địa bàn huyện B.

- Đối với yêu cầu được mua lại 01 lô nền tái định cư theo giá ưu đãi (Đơn giá lô nền tái định cư loại 2).

Ông Triệu Văn T bị thu hồi toàn bộ diện tích $173,4 \text{ m}^2$ loại đất ở nông thôn và UBND xã T xác nhận ông T không còn đất ở trên địa bàn xã. Đồng thời, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ông Triệu Văn T và Báo cáo số 108/BC-CAX ngày 11/9/2024 của Công An xã T về kết quả xác minh tình trạng cư trú của “Nhà trọ thị trấn B” xác định ông Triệu Văn T không có đăng ký cư trú (thường trú, tạm trú, thông báo lưu trú) không có sinh sống tại “Nhà trọ thị trấn B” địa chỉ ấp P, xã T từ trước cho đến nay. Như vậy, ông T không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết nhà ở, đất ở. UBND huyện B giải quyết tái định cư bằng tiền 150.000.000 đồng cho ông Triệu Văn T là đúng quy định tại tiết 5.2.2 điểm 5.2 khoản 5 Điều 1 Quyết định số 7098/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh L: *“Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị giải tỏa trắng nhà ở xây dựng trên đất ở của mình nhưng còn đất ở trên địa bàn xã, thị trấn nơi có đất bị thu hồi; hoặc trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi hết đất ở hoặc một phần đất mà phần còn lại không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND tỉnh, nhưng chưa xây dựng nhà ở và không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, thị trấn thì được hỗ trợ tái định cư bằng tiền 150.000.000 đồng/hộ”*.

Vì vậy, UBND huyện B ban hành Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Triệu Văn T về việc giữ nguyên Văn bản số 2009/UBND-VP ngày 21/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc trả lời đơn của công dân là đúng quy định pháp luật.

Từ cơ sở nêu trên, ngày 25/10/2024, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 10996/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Triệu Văn T. Sau khi rà soát kết quả giải quyết nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh L khẳng định Quyết định số 10996/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Triệu Văn T là đúng quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định theo yêu cầu của ông Triệu Văn T đối với thửa đất 363, tờ bản đồ số 5. Giữa thửa 363 và 342 không có ranh giới, thửa 342 và 363 có xây dựng 2 dãy nhà trọ kiên cố. Hướng nam tiếp giáp đường bê tông nối với đoạn đường trải nhựa ra đường P, đường nhựa khoảng 3,5m.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, xác minh, công khai chứng cứ đảm bảo. Tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về thời hiệu: Xác định yêu cầu của ông T còn thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn T.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B, Chủ tịch UBND tỉnh L không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đối tượng khởi kiện, phạm vi giải quyết, thẩm quyền xét xử: Yêu cầu của ông T là khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Căn cứ Điều 30 và Khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Tòa án căn cứ Điều 8 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thụ lý giải quyết theo tố tụng hành chính giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

[2] Về thời hiệu: Ngày 25 tháng 10 năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 10996/QĐ-UBND. Ngày 12/2/2025 ông T nộp đơn khởi kiện.

Như vậy, thời hiệu khởi kiện đảm bảo đúng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 116, Luật Tố tụng hành chính (01 năm).

[3] Về tư cách tố tụng: Ông Triệu Văn T khởi kiện UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B, Chủ tịch UBND tỉnh L nên xác định ông T là người khởi kiện, UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B, Chủ tịch UBND tỉnh L là người bị kiện.

[4] Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; lập biên bản đối thoại theo quy định tại các Điều 135, Điều 138 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[5] Việc xét xử vắng mặt đương sự.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có văn bản xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đại diện người bị kiện.

[6] Về yêu cầu của người khởi kiện:

[7] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 10703/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Triệu Văn T để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT. 830E (Đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT. 830); Hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 296/QĐ-UBND, Ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện B; Hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 10996/QĐ-

UBND, Ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh L. Xét thấy, lý do khởi kiện là do ông T cho rằng thửa đất 363 của ông T giáp với thửa 342 (chủ sử dụng Triệu Văn Đ) và nằm trong phạm vi 50m, tiếp giáp đường bê tông trên 3m. Mặc dù trên thực tế, thửa 363 có tiếp giáp một đoạn đường bê tông. Tuy nhiên, đoạn đường này do người dân tự ý mở trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình, không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. UBND huyện B cung cấp trích lục bản đồ địa chính khu đất, thể hiện thửa đất 363 không tiếp giáp đường. Mặt khác, các hộ dân tiếp giáp đoạn đường nói trên khi thu hồi đất cũng được bồi thường cả phần đất đã tự ý sử dụng làm đường. Do đó, UBND huyện B không thừa nhận con đường này là đường công cộng là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu hủy bỏ các Quyết định nói trên của ông Triệu Văn T không có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu hỗ trợ mua lại 01 nền đất tái định cư theo giá ưu đãi. Ông T cho rằng ông thuộc trường hợp thu hồi hết đất ở, không còn nhà ở, đất ở khác trên địa bàn. Xét thấy, ông T sử dụng thửa 363, tờ bản đồ số 5 để phục vụ mục đích kinh doanh (nhà trọ), không phải nhà ở của cá nhân chủ sử dụng đất nên ông T không thuộc trường hợp quy định tại mục 5.1.3 của Quyết định 7080/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 “trường hợp phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết nhà ở, đất ở... mà không còn nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn xã, thị trấn nơi có đất bị thu hồi”. Do đó, yêu cầu được hỗ trợ tái định cư bằng đất là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng ông Triệu Văn T phải chịu và đã nộp xong.

[10] Về án phí Hành chính sơ thẩm: Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, ông Triệu Văn T phải chịu tiền án phí. UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B, Chủ tịch UBND tỉnh L không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính 2015; điểm b Khoản 1 Điều 193, khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Điều 69, khoản 2 Điều 74, Điều 75, Điều 79 Luật Đất đai 2013;

Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn T về việc khiếu kiện quyết định hành chính, yêu cầu:

- Hủy bỏ Quyết định số 10703/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Triệu Văn T để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT. 830E (Đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT. 830).

- Hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 296/QĐ-UBND, Ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện B

- Hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 10996/QĐ-UBND, Ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh L.

- Hỗ trợ mua 01 nền đất tái định cư.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Triệu Văn T phải chịu 3.000.000 đồng, đã nộp xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Triệu Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại lai thu số 0000418 ngày 03/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Ông T không phải nộp thêm. UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B, Chủ tịch UBND tỉnh L không phải nộp án phí.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- UBND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Thị Thúy Lành